

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 326/2018/HNGĐ-ST

Ngày 19-11-2018

V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Huấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Minh

Ông Nguyễn Quang Khải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoàn, Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 328/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp về ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐST - HNGĐ ngày 31/10/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lò Thị D, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Đội 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Trần Văn C, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần Văn C có đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2009 tại UBND xã P, huyện Đ. Chúng tôi kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C lâm vào tệ nạn xã hội. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, chúng tôi cũng được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2010 đến nay không còn đi

lại và quan tâm gì đến nhau nữa. Tình cảm giữa tôi và anh C không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 19/8/2010. Tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng nương tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai hồi 15 giờ ngày 05/10/2018, tại Tòa án nhân dân huyện Đ. Bị đơn anh Trần Văn C trình bày:

Tôi và cô Lò Thị D có đăng ký kết hôn vào ngày 06/8/2009 tại UBND xã P, huyện Đ. Chúng tôi kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 10 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tôi nghiện ma túy nên cô D đã bỏ về bên ngoài sống từ tháng 4 năm 2010 cho đến nay chúng tôi đã ly thân được 8 năm. Cô D có đơn xin ly hôn, tôi nhất trí.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 19/8/2010. Tôi không đồng ý để cô D nuôi con và tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung tôi cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về và diện tích ruộng nương tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Trần Thị Ngọc B: Nếu bố mẹ cháu ly hôn, cháu xin được ở với mẹ cháu là Lò Thị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị Lò Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn C. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh C là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn 5, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Do vậy theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị D và anh Trần Văn C kết hôn với nhau tự nguyện, không bị ép buộc, anh chị đã thực hiện nghi thức kết hôn do pháp luật quy định đăng ký tại trụ sở UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Anh chị chung sống hạnh phúc đến

tháng 10 năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính của mâu thuẫn gia đình anh chị là do anh C nghiện chất ma túy. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là chị D đã chuyển về sống với bố mẹ đẻ và ly thân với anh C từ cuối năm 2010 đến nay. Thời gian ly thân đã lâu, anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, cuộc sống chung của anh chị không duy trì được. Chị D xin ly hôn với anh C, anh C cũng nhất trí. Quá trình giải quyết, tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa chị D và anh C đều nhất trí thỏa thuận vợ chồng ly hôn nhau.

Tòa án nhân dân huyện Đ đã xác minh anh Nguyễn Văn S là Trưởng thôn 5, xã P, huyện Đ về tình trạng hôn nhân của chị D và anh C. Tình trạng hôn nhân của anh chị mà Trưởng thôn cung cấp cũng là do anh C nghiện ma túy làm ảnh hưởng xấu đến hạnh phúc gia đình của anh chị.

Thỏa thuận của anh chị tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận ly hôn của anh chị.

[3] Về con chung: Chị D và anh C có một con chung là cháu Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 19/8/2010. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trần Thị Ngọc B con chung của anh chị đã 8 tuổi, chị D và anh C có quyền thỏa thuận việc người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của anh chị. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh chị không thỏa thuận được. Anh chị cung cấp thu nhập của cả hai anh chị từ lao động phổ thông.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D không từ chối quyền nuôi con chung, hiện nay cháu B đang học ở xã N. Chị D sinh cháu B sau khi chị ly thân với anh C và trực tiếp nuôi dưỡng cháu từ đó cho đến nay. Cháu B là con gái, nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ.

Anh C cũng không từ chối quyền nuôi con nhưng cháu B không theo anh, từ khi cháu B sinh ra, anh C cũng ít có thời gian gần gũi với con. Hơn nữa anh C có nhược điểm về thể chất do anh đang điều trị cai nghiện ma túy bằng thuốc thay thế methadone tại cơ sở y tế xã P, huyện Đ.

Tại phần nhận xét việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử và của các đương sự, Kiểm sát viên đề nghị việc giải quyết vụ kiện theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị D.

Với nhận định như trên, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên. Giao con chung Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 19/8/2010 cho chị Lò Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Ngọc B thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản*: Chị Lò Thị D và anh Trần Văn C không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, nương. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTĐ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lò Thị D. Công nhận chị Lò Thị D thuận tình ly hôn với anh Trần Văn C.

2. *Về con chung*: Giao con chung Trần Thị Ngọc B, sinh ngày 19/8/2010 cho chị Lò Thị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần Thị Ngọc B thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị Lò Thị D và anh Trần Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về tài sản*: Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng nương: Chị Lò Thị D và anh Trần Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lò Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003022 ngày 04/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 19/11/2018./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã P (Nơi chị D, anh C ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS, HN.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Mạnh Huân